

SPM

CÔNG TY CỔ PHẦN SPM

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2023

Thông tin chung (4-10)

Khái quát về công ty

Quá trình hình thành và phát triển

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Định hướng phát triển

Các rủi ro

Tình hình hoạt động trong năm (11-19)

Tình hình sản xuất kinh doanh

Tổ chức và nhân sự

Tình hình các dự án đầu tư

Tình hình tài chính

Thông tin về cổ đông, sự thay đổi vốn chủ sở hữu

Báo cáo tác động đến môi trường, xã hội

Báo cáo của Ban TGD (20-24)

Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh

Tình hình tài chính

Những cải tiến về tổ chức, chính sách

Kế hoạch phát triển

Báo cáo liên quan đến trách nhiệm về môi trường, xã hội

**Đánh giá
của
HĐQT về
các mặt
hoạt
động của
Công ty
(25-26)**

Đánh giá về hoạt động công ty

Đánh giá đối với hoạt động điều hành của Ban TGD

Những kế hoạch và định hướng của HĐQT

**Quản trị
công ty
(27-31)**

Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát

Các giao dịch, thù lao, các khoản lợi ích của thành viên HĐQT

**Báo cáo
tài chính
(32-42)**

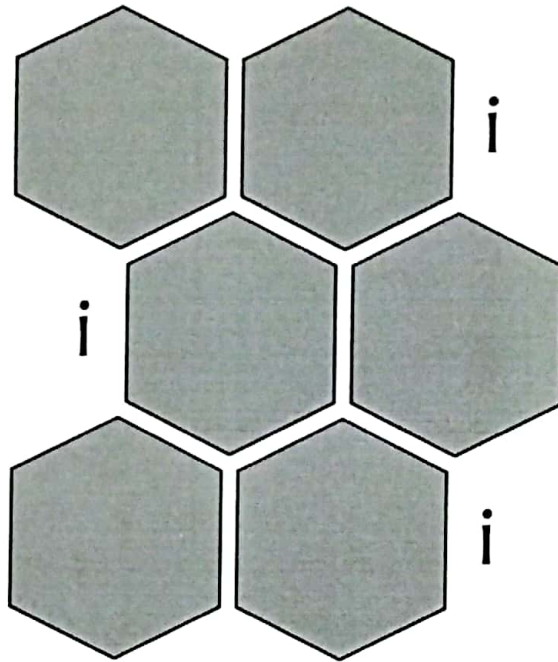
Báo cáo của ban giám đốc

Báo cáo kiểm toán độc lập

Phụ lục báo cáo tài chính đã kiểm toán

Viết tắt:

HĐQT : Hội đồng quản trị
TGD : Tổng giám đốc
Công ty : Công ty cổ phần S.P.M
HOSE : Sở giao dịch chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh



I. THÔNG TIN CHUNG	Thông tin khái quát
	Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
	Thông tin mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
	Định hướng phát triển
	Rủi ro

Thông tin khái quát

Tên giao dịch	: Công ty Cổ phần S.P.M
Tên viết tắt	: S.P.M CORP
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và mã số thuế	: 0302271207
Vốn điều lệ (31/12/2023)	: 140.000.000.000 đồng
Vốn chủ sở hữu (31/12/2023)	: 795.798.494.278 đồng
Địa chỉ	: Lô 51, Đường số 2, KCN Tân Tạo, Q.Bình Tân, Tp.HCM
Số điện thoại	: +(84) 028 3862 3747
Fax	: +(84) 028 3862 3748
Website	: www.spm.com.vn
Mã cổ phiếu	: SPM (niêm yết tại HOSE)

Quá trình hình thành và phát triển

2001

Công ty TNHH S.P.M thành lập ngày 26/03/2001 với vốn điều lệ 20 tỷ đồng. Tiền thân là Công ty Dược phẩm Đô Thành hoạt động với tư cách là một nhà phân phối dược phẩm trực thuộc Tendipharco (Công ty Dược Quận 10) được thành lập năm 1988. Năm 1995, thành lập Công ty TNHH Dược phẩm Đô Thành (Saigon Pharma).

2007

Chuyển đổi thành Công ty Cổ phần SPM ngày 12/02/2007, đồng thời tăng vốn điều lệ lên 100 tỷ đồng.

2009

Đưa vào vận hành sản xuất nhà máy mới với tổng chi phí đầu tư trị giá 180 tỷ đồng.

2010

Tăng vốn điều lệ lên 140 tỷ đồng và niêm yết trên thị trường chứng khoán (sở giao dịch chứng khoán Tp.HCM).

2011

Công ty mở rộng sản xuất từ tân dược sang các nhóm thực phẩm chức năng, đa dạng hóa sản phẩm. Xây dựng và mở rộng nhà máy với khả năng sản xuất thuốc tiêm.

2023

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Ngành
nghề
kinh
doanh
chính

Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu

Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng

Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh

Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân loại

Địa bàn
kinh
doanh

Phân phối toàn quốc thông qua các đại lý lớn, các đại lý bán lẻ. Trọng tâm là thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội.

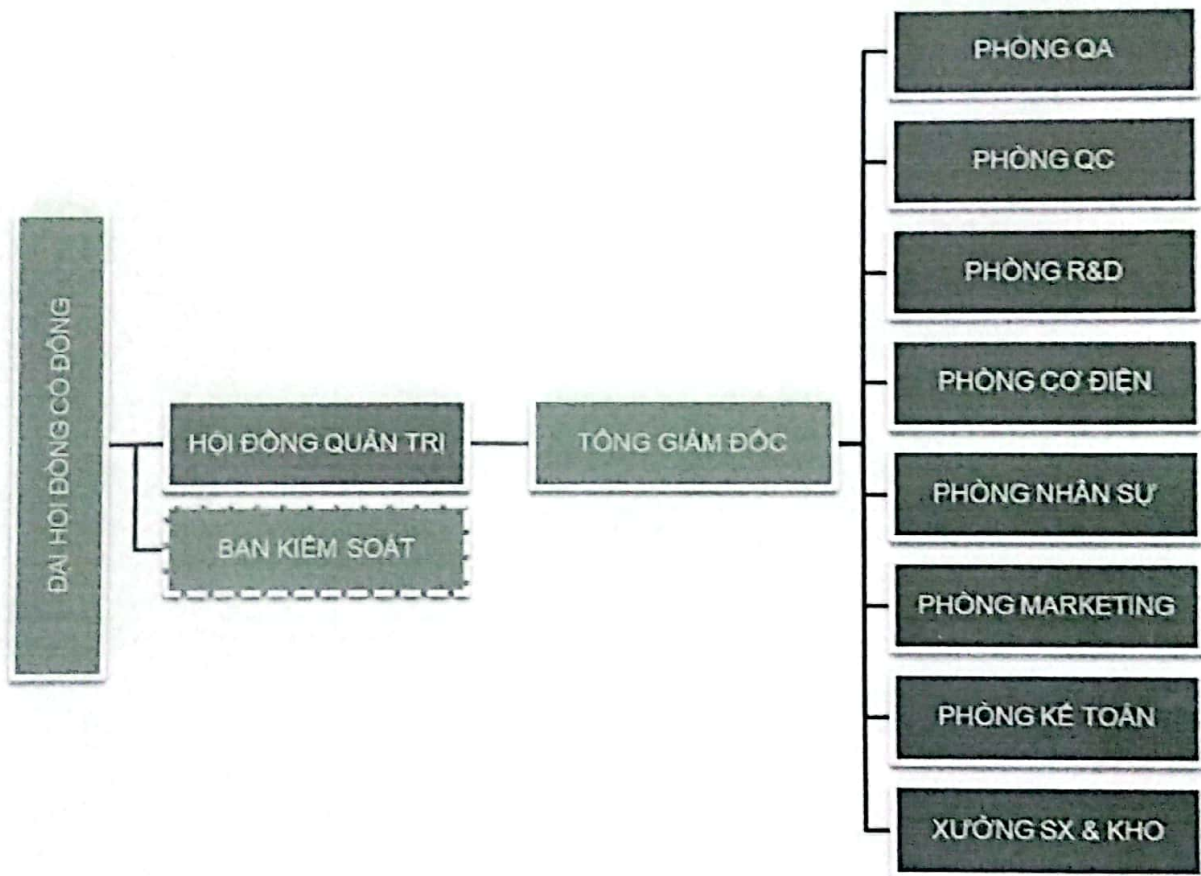
Xuất khẩu sang các quốc gia Lào, Campuchia, Myanmar, Kenya, Mỹ.

Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Mô hình quản trị: Mô hình quản trị công ty bao gồm Đại hội Đồng cổ đông; Ban kiểm soát thuộc Đại hội đồng cổ đông; Hội đồng Quản trị; Tổng Giám đốc.

Cơ cấu bộ máy quản lý:

(Sơ đồ tổ chức Công ty Cổ phần S.P.M)



Các công ty con, công ty liên kết: *không có.*

Định hướng phát triển

Các mục tiêu chủ yếu

Đa dạng sản phẩm, vươn tới dẫn đầu thị trường Việt Nam về dược phẩm và các sản phẩm chăm sóc sức khỏe.

Tập trung vào 5 lĩnh vực chính sau: sản phẩm Đông dược, dạng bào chế mới, thực phẩm chức năng có công năng điều trị, tương đương sinh học và hoạt chất mới.

Chiến lược trung và dài hạn

Về trung hạn: Nghiên cứu và nâng cao chất lượng sản phẩm nhằm nâng cao tính cạnh tranh trên thị trường Việt Nam và quốc tế; cơ cấu danh mục sản phẩm, đẩy mạnh marketing nhằm hướng tới vị trí dẫn đầu thị trường dược phẩm.

Về dài hạn: Định hướng sản phẩm chiến lược; tìm kiếm đối tác chiến lược nhằm mở rộng thị trường quốc tế. Các dự án phát triển nhân sự toàn diện sẽ được triển khai; các công nghệ quản lý hiện đại cũng sẽ được đầu tư và áp dụng thống nhất.

Các mục tiêu phát triển bền vững

Công ty phát triển đảm bảo hài hòa các lợi ích. Các mục tiêu của công ty luôn gắn kết với sự phát triển (hoặc phục vụ lợi ích) cộng đồng. Công ty cũng đảm bảo môi trường lao động an toàn và thỏa mãn cao đối với người lao động; bên cạnh sử dụng tiết kiệm tài nguyên và bảo vệ môi trường được chú trọng hàng đầu.

Rủi ro

Vĩ mô

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chịu sự tác động bởi các yếu tố vĩ mô của nền kinh tế (tình trạng suy thoái kinh tế toàn cầu). Để hạn chế rủi ro này, Ban giám đốc công ty luôn thận trọng và hoạch định chiến lược phát triển phù hợp cho hoạt động của công ty.

Kinh doanh

Bên cạnh việc hội nhập phát triển, hoạt động của công ty cũng chịu sự cạnh tranh khốc liệt từ các đối thủ cả trong nước và ngoài nước. Với số lượng cả ngàn Công ty được phẩm cả nội địa và nước ngoài đang hoạt động tại Việt Nam hiện nay, Công ty luôn phải cải thiện chất lượng sản phẩm, dịch vụ đồng thời luôn cố gắng cập nhật giá cạnh tranh để giữ chân khách hàng truyền thống và phát triển thêm khách hàng mới.

Nguyên liệu

Nguyên vật liệu của Công ty đa số nhập khẩu. Do đó, những biến động về tỷ giá, xăng dầu, nguồn tài nguyên, thiên tai... đều làm tăng giá nhập nguyên vật liệu trong khi đó công ty không thể tăng giá bán sản phẩm. Điều này ảnh hưởng nghiêm trọng đến kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

Để đảm bảo hoạt động sản xuất ổn định, công ty có kế hoạch cụ thể về sản xuất, dự trữ nguyên vật liệu cũng như chú trọng chất lượng bảo quản. Lập kế hoạch nhập khẩu ở thời điểm thích hợp; tham gia bảo hiểm từ bên thứ ba.

Rủi ro khác

Các rủi ro khác quan được hiểu như rủi ro bất khả kháng, Công ty có thể phòng ngừa hoặc tham gia các chương trình bảo hiểm nhằm hạn chế thấp nhất sự thất thoát tài sản.



II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh

Tổ chức và nhân sự

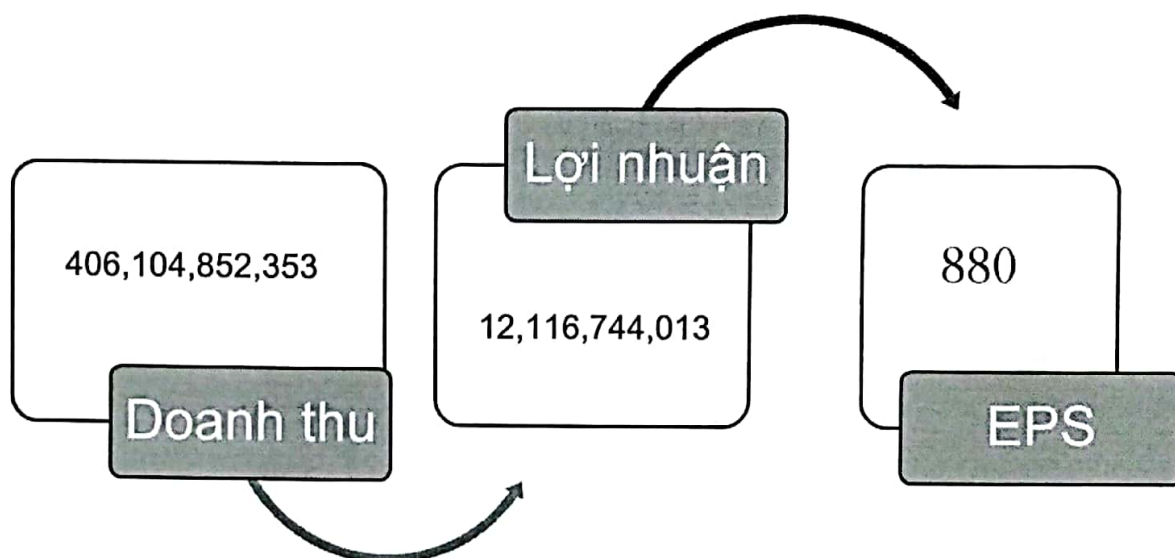
Tình hình đầu tư

Tình hình tài chính

Cơ cấu cổ đông

Báo cáo tác động liên quan đến môi trường, xã hội

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh



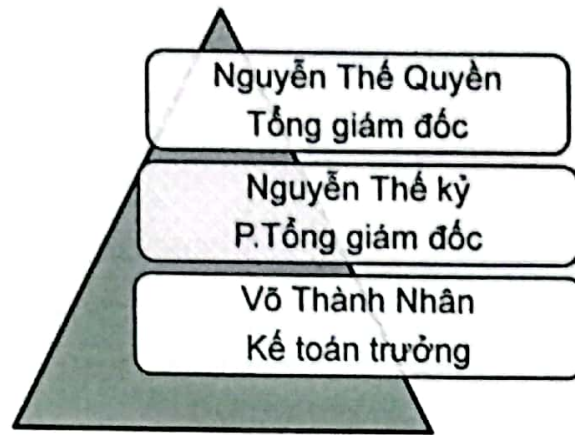
(*) EPS: Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Đơn vị: tỷ đồng

Nội dung	Kế hoạch	Kỳ trước	Kỳ này	So với kế hoạch	So với kỳ trước
Doanh thu thuần	500.00	697.23	406.10	-18.8%	-41.8%
Lợi nhuận trước thuế	25.00	30.53	16.50	-34.0%	-46.0%
Lợi nhuận sau thuế	20.00	23.89	12.10	-39.5%	-49.4%

Kết quả kinh doanh giảm sút nghiêm trọng so với cùng kỳ, phản ánh một năm khó khăn hơn dự báo của Ban giám đốc (giảm so với kế hoạch). Cụ thể, so với kế hoạch, lợi nhuận sau thuế đạt 12.10 tỷ, giảm 39.5% và giảm 49.4% so với năm 2022, cùng với đó doanh thu giảm 41.8% so với cùng kỳ. Điều này phản ánh đúng tình hình kinh tế chung của thế giới và trong nước năm 2023. Riêng về ngành dược, các chính sách thay đổi liên tục trong năm qua cũng ảnh hưởng phần lớn đến kế hoạch kinh doanh của công ty.

Tổ chức và nhân sự



Nguyễn Thế Quyền

- Năm sinh: 06/10/1989
- Trình độ chuyên môn: Dược sỹ
- Quá trình công tác:
 - 2012-2016: Nhân viên nghiên cứu
 - 2016-2022: Trưởng phòng nghiên cứu
 - 2022-nay: Tổng giám đốc
- Sở hữu cổ phiếu có quyền biểu quyết: 0 (tại 31/12/2022)

Nguyễn Thế Kỳ

- Năm sinh: 15/06/1944
- Trình độ chuyên môn: Dược sỹ
- Quá trình công tác:
 - Từ ngày thành lập công ty – 2022: Tổng giám đốc
 - 2022-nay: Phó tổng giám đốc, phụ trách chuyên môn
- Sở hữu cổ phiếu có quyền biểu quyết: 30,000 chiếm 0.21% (tại 31/12/2022)

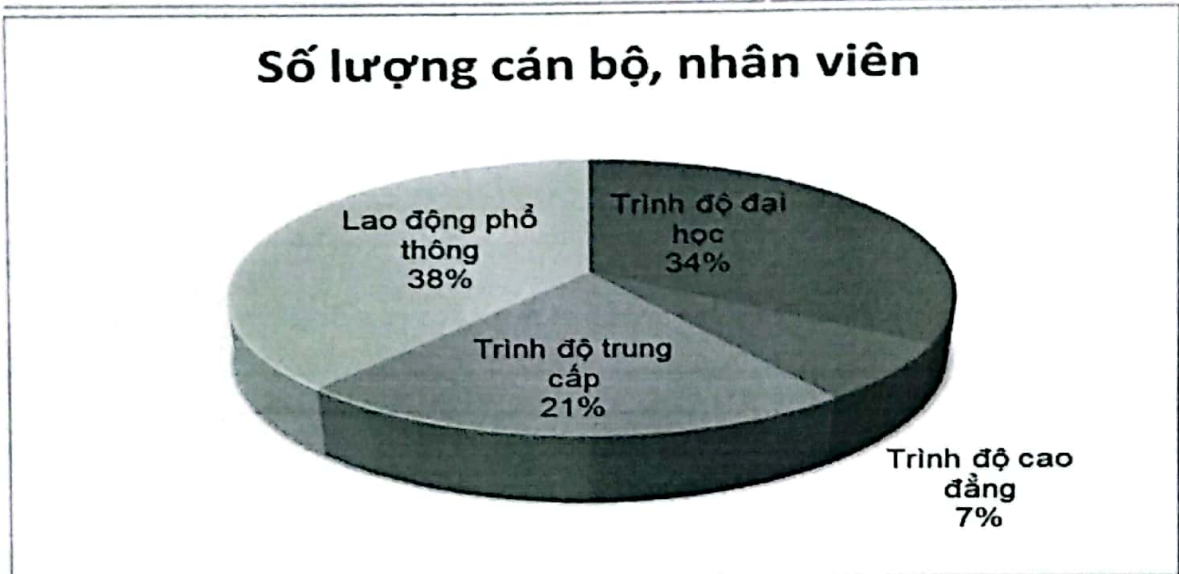
Võ Thành Nhân

- Năm sinh: 30/08/1982
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán
- Quá trình công tác:
 - 2015-2021: Nhân viên kế toán
 - 2021-nay: Trưởng phòng kế toán
- Sở hữu cổ phiếu có quyền biểu quyết: 0 (tại 31/12/2022)

Những thay đổi trong ban điều hành

- Trong năm, không có thay đổi nhân sự trọng yếu.

Số lượng cán bộ, nhân viên	Số lượng	Tỷ trọng
Trình độ đại học	61	33.52%
Trình độ cao đẳng	12	6.59%
Trình độ trung cấp	39	21.43%
Lao động phổ thông	70	38.46%
Tổng cộng	182	100.00%



* Số liệu đến 31/12/2023

Chính sách đối với người lao động

- Chế độ làm việc:
 - Làm việc 5.5 ngày/tuần, riêng lao động trực tiếp sản xuất được nghỉ thêm 2 ngày thứ 7 trong tháng;
- Chế độ lương, thưởng:
 - Công ty áp dụng chế độ thu nhập dựa trên năng suất lao động để khuyến khích lao động lành nghề;
 - Được hưởng lương tháng 13 hàng năm, thưởng các ngày lễ, tết;
 - Phụ cấp nếu làm việc trong môi trường độc hại;
 - 100 % ký hợp đồng và tham gia đầy đủ bảo hiểm theo quy định của pháp luật hiện hành;
- Chính sách đào tạo:
 - Thực hiện đào tạo theo chuyên đề hàng năm, bao gồm đào tạo nội bộ và thuê chuyên gia bên ngoài;

Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án

- ❖ Do tình hình kinh doanh hiện đang giảm sút, hiện công ty không có kế hoạch đầu tư, mở rộng.

Công ty không có công ty con, công ty liên kết.

Tình hình tài chính

Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	Tăng/giảm
	(đồng)	(đồng)	(%)
Tổng giá trị tài sản	1,065,475,624,310	1,026,374,176,514	-3.7%
Doanh thu thuần	697,239,582,500	406,104,852,353	-41.8%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30,800,607,332	18,768,133,152	-39.1%
Lợi nhuận khác	(264,293,480)	(2,265,428,828)	-757.2%
Lợi nhuận trước thuế	30,536,313,852	16,502,704,324	-46.0%
Lợi nhuận sau thuế	23,895,479,816	12,116,744,013	-49.3%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0%	0%	

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2022	Năm 2023
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán hiện hành	lần	3.388	4.308
Hệ số thanh toán nhanh	lần	3.177	4.083
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Nợ/Tổng tài sản	%	25.3%	21.5%
Nợ/ Vốn CSH	%	33.9%	27.3%
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	vòng	11.855	6.702
Doanh thu thuần / Tổng tài sản	vòng	0.654	0.396
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	3.4%	3.0%
Lợi nhuận sau thuế/ Vốn CSH	%	3.0%	1.5%
Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%	2.2%	1.2%

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư

Thông tin cổ phần

Tổng cổ phiếu phát hành	: 14 000 000 cổ phiếu
Mệnh giá	: 10 000 đồng
Cổ phiếu đang lưu hành	: 14 000 000 cổ phiếu
Cổ phiếu quỹ	: 230 000 cổ phiếu
Loại cổ phiếu	: cổ phiếu phổ thông

Cơ cấu cổ đông

Cơ cấu cổ đông	Cổ phần sở hữu	Tỷ lệ
Cổ đông lớn	10,008,640	71.49%
Cổ đông nhỏ	3,991,360	28.51%
Cổ đông tổ chức	1,376,620	9.83%
Cổ đông cá nhân	12,623,380	90.17%
Cổ đông trong nước	13,719,070	97.99%
Cổ đông nước ngoài	280,930	2.01%
Cổ đông nhà nước	-	0.00%
Cổ đông khác	13,770,000	98.36%
Cổ phiếu quỹ	230,000	1.64%

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa : 100%

Tình hình thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu: *không có*

Giao dịch cổ phiếu quỹ: *không có*

Các chứng khoán khác: *không có*

Báo cáo tác động liên quan đến môi trường, xã hội

Tác động lên môi trường:

Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp : *Không*

Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính : *Không*

Quản lý nguồn vật liệu

Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm: 377 148 kg

Báo cáo tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: *không*

Tiêu thụ năng lượng

Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: 2 068 455 kwh (điện)

Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: *không*

Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này: *không*

Tiêu thụ nước

Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: Công ty sử dụng nước sinh hoạt và sản xuất của Công ty cổ phần đầu tư – Khai thác – Sản xuất và cung cấp nước sạch ITA; lượng nước sử dụng trong năm: 10 753 m³

Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: *không*

Tuân thủ pháp luật về môi trường

Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: *không*

Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: *không*

Chính sách liên quan đến người lao động

Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

- Số lượng lao động: 182 (31/12/2023).
- Mức lương bình quân: 11 071 000 đồng/ tháng.

Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

- Chế độ làm việc: 5.5 ngày/tuần; 8h/ngày.
- Thưởng các ngày lễ, tết và áp dụng lương tháng 13 cho toàn bộ nhân viên.
- 100 % nhân viên ký hợp đồng và tham gia bảo hiểm theo pháp luật hiện hành.

Hoạt động đào tạo:

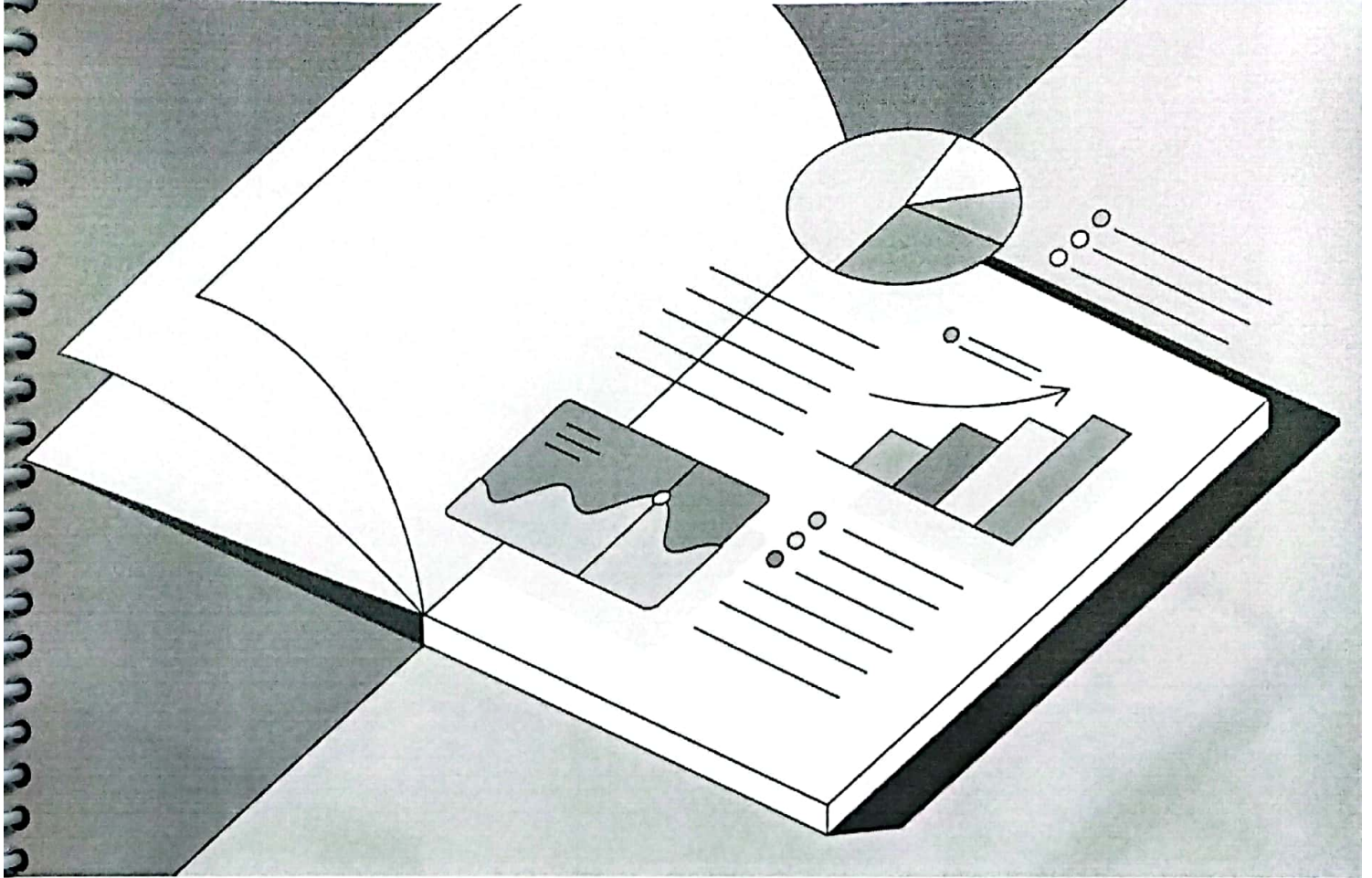
- Ngoài các hoạt động đào tạo chuyên môn theo yêu cầu đặt thù của ngành được do Nhà nước quy định. Công ty hàng năm còn tổ chức đào tạo nội bộ về bán hàng, thương hiệu, quản lý thời gian hoặc mời chuyên gia huấn luyện từ bên ngoài.

- Số giờ trung bình cho nhân viên cấp quản lý, gián tiếp : 42h/năm.
- Số giờ đào tạo cho nhân viên trực tiếp sản xuất: 32h/năm.
- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp: thường xuyên cung cấp các lớp đào tạo chuyên môn để phát triển tay nghề của nhân viên.

Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

- Nhãn hàng Myvita tiếp tục đồng hành cùng chương trình “Chiến thắng cùng con”, kết nối các nhà thiện nguyện chăm sóc, giáo dục, giúp đỡ trẻ em tự kỷ;

Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: không



III. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính

Cải tiến cơ cấu, tổ chức

Kế hoạch phát triển

Báo cáo liên quan đến trách nhiệm về môi trường, xã hội

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổng quan về kết quả kinh doanh

Năm 2023 tiếp tục là năm khá khó khăn với đối với các công ty nói chung và công ty hoạt động trong lĩnh vực dược phẩm nói riêng, bởi:

- Các chính sách của Nhà nước đối với ngành dược thay đổi thường xuyên qua các năm.
- Nguyên liệu chủ yếu nhập khẩu từ Ấn độ, Trung quốc... sau giai đoạn bình thường mới, một số chuỗi cung ứng bị đứt hoặc giá tăng cao so với trước.
- Các tập đoàn dược nước ngoài (châu Âu, Nhật, Mỹ...) đang đầu tư mở rộng thị trường vào Việt Nam, do đó mức cạnh tranh ngày càng cao.

Một số kết quả đạt được

Nội dung	Kế hoạch	Kỳ trước	Kỳ này	So với kế hoạch	So với kỳ trước
Doanh thu thuần	500.00	697.23	406.10	-18.8%	-41.8%
Lợi nhuận trước thuế	25.00	30.53	16.50	-34.0%	-46.0%
Lợi nhuận sau thuế	20.00	23.89	12.10	-39.5%	-49.4%

- ✓ Lợi nhuận sau thuế giảm 39.5% so với kế hoạch, 49.4% so với cùng kỳ. Tuy nhiên trong điều kiện khó khăn, công ty vẫn duy trì mức lợi nhuận chấp nhận được.
- ✓ 5% sản phẩm là sản phẩm mới thuộc nhóm hỗ trợ sức khỏe, làm đẹp.
- ✓ Nhận diện thương hiệu công ty ngày được nâng cao thông qua các chương trình hợp tác với Đài truyền hình thành phố Hồ Chí Minh, cùng các chương trình hỗ trợ cộng đồng.

Tình hình tài chính

➤ Tài sản

CHỈ TIÊU	Năm 2022	Năm 2023	Thay đổi (%)
I. TÀI SẢN NGẮN HẠN	913,681,104,344	871,634,988,487	-4.60%
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	20,126,949,856	177,774,751	-99.12%
2. Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	0.00%
3. Các khoản phải thu ngắn hạn	836,714,821,538	823,320,765,507	-1.60%
4. Hàng tồn kho	55,026,234,217	45,367,632,323	-17.55%
5. Tài sản ngắn hạn khác	1,813,098,733	768,815,906	-57.60%
II. TÀI SẢN DÀI HẠN	151,794,519,966	154,739,188,027	1.94%
1. Các khoản phải thu dài hạn	-	-	100.00%
2. Tài sản cố định	78,681,346,458	82,670,186,569	5.07%
3. Tài sản dở dang dài hạn	67,591,428,007	67,852,376,257	0.39%
4. Đầu tư tài chính dài hạn	2,754,000,000	2,754,000,000	0.00%
5. Tài sản dài hạn khác	2,767,745,501	1,462,625,201	-47.15%
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	1,065,475,624,310	1,026,374,176,514	-3.67%

➤ Nguồn vốn

CHỈ TIÊU	Năm 2021	Năm 2023	Thay đổi (%)
I. NỢ PHẢI TRẢ	269,677,130,032	220,352,735,197	-18.29%
1. Nợ ngắn hạn	269,677,130,032	202,352,735,197	-24.96%
2. Nợ dài hạn	-	18,000,000,000	0.00%
II. VỐN CHỦ SỞ HỮU	795,798,494,278	806,021,441,317	1.28%
1. Vốn chủ sở hữu	795,798,494,278	806,021,441,317	1.28%
2. Nguồn kinh phí và quỹ khác	-	-	0.00%
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	1,065,475,624,310	1,026,374,176,514	-3.67%

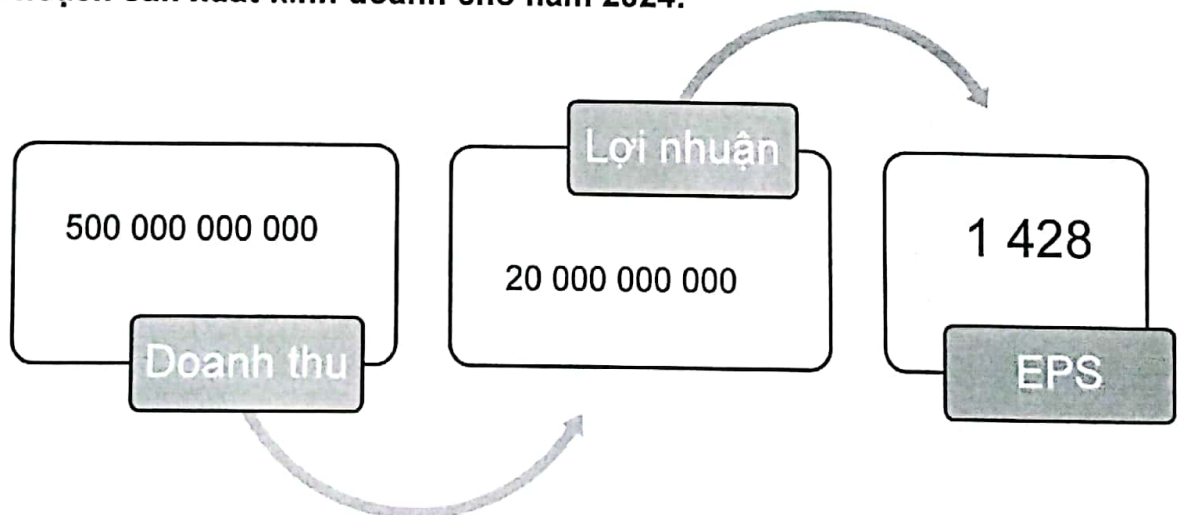
Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- ❖ Công ty tiến hành tái cấu trúc bộ máy theo hướng trẻ hóa đội ngũ lãnh đạo, chú trọng chất lượng lao động, đồng thời với việc khuyến khích lao động năng suất cao bằng cách tăng chi phí cho lao động theo đơn vị sản phẩm.
- ❖ Bên cạnh đó là đẩy mạnh áp dụng công nghệ hoặc các giải pháp công nghệ mới nhằm tăng năng xuất lao động, giảm hoặc loại bỏ lãng phí các công đoạn trung gian một cách triệt để.

Kế hoạch phát triển trong tương lai

- ❖ Nghiên cứu đưa vào hoạt động sản xuất thuốc chích.
- ❖ Phát triển sản phẩm mới về hỗ trợ sức khỏe, làm đẹp .
- ❖ Phát triển kênh khách hàng mới chuyên về cung cấp hàng gia công. Đầu tư đẩy mạnh các chương trình marketing về thương hiệu bằng cách hợp tác đa kênh: truyền hình, website và mạng xã hội.

Kế hoạch sản xuất kinh doanh cho năm 2024:



Giải trình của Ban giám đốc đối với ý kiến của kiểm toán

Không có

Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

Đối với môi trường

Sử dụng hợp lý và tiết kiệm các nguồn năng lượng, nước và nguyên vật liệu trong hoạt động sản xuất kinh doanh

Tuân thủ pháp luật về môi trường, xử lý chất thải

Áp dụng ISO về môi trường

Đối với người lao động

Tuân thủ chính sách đối với người lao động về môi trường làm việc, giờ làm việc, lương thưởng

Tuân thủ pháp luật về bảo hiểm, quản lý lao động

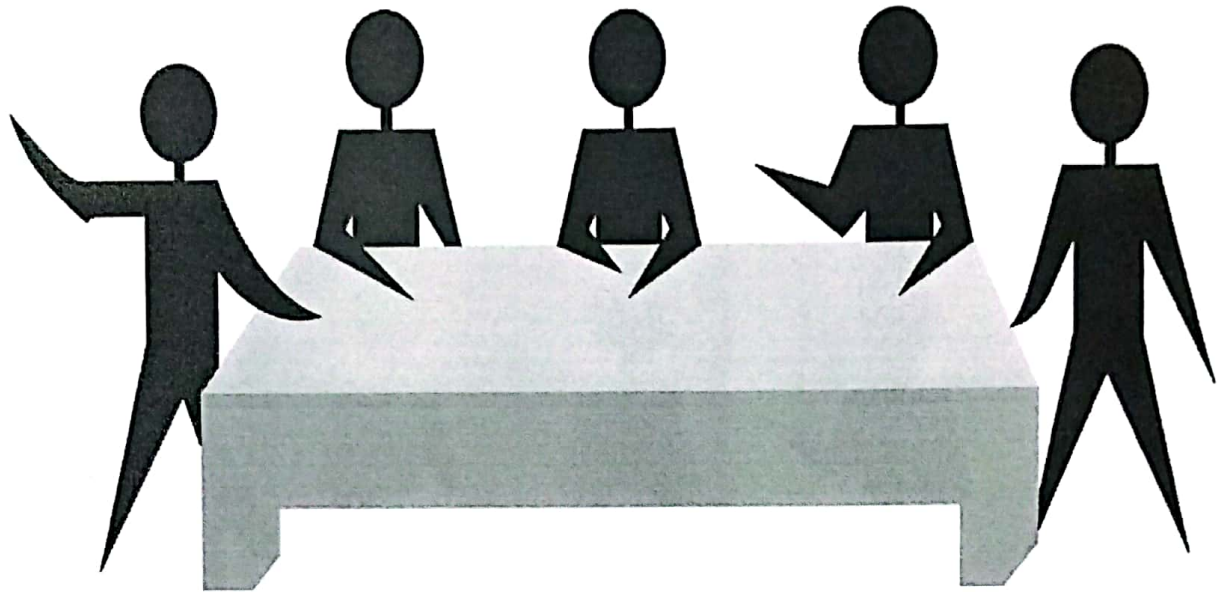
Tổ chức đào tạo hàng tháng/quý cho bộ phận sản xuất

Đối với cộng đồng địa phương

Luôn ủng hộ các chính sách của địa phương

Tham gia ủng hộ địa phương xử lý các vấn đề về môi trường, xã hội, các chương trình từ thiện





IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	Đánh giá các mặt hoạt động của công ty
	Đánh giá hoạt động của Ban giám đốc
	Kế hoạch, định hướng hoạt động

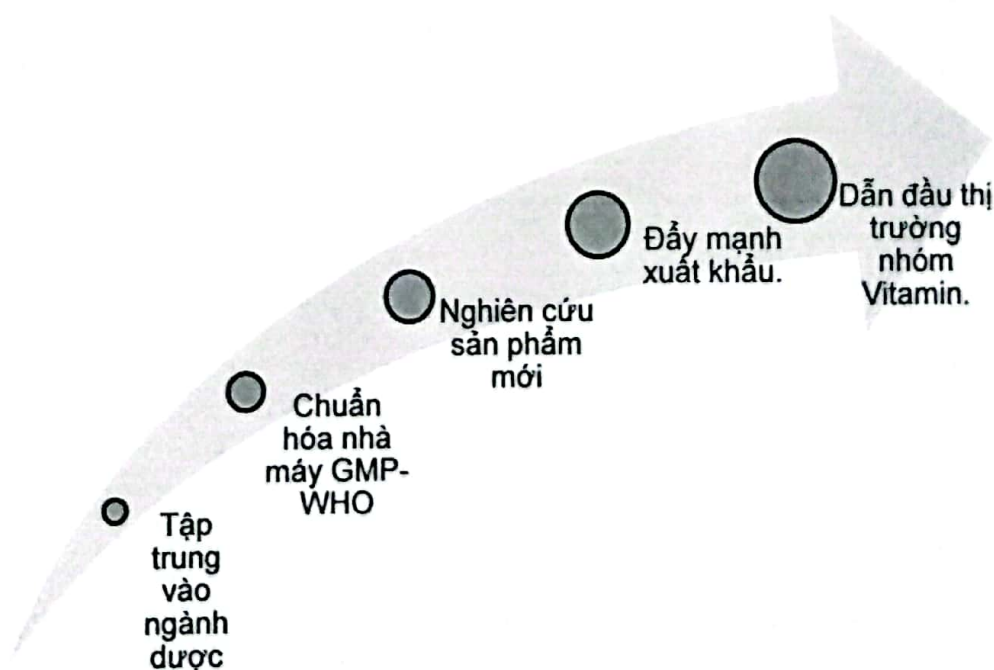
Đánh giá các mặt hoạt động của công ty

- ❖ Do tình hình kinh tế năm 2023, với lạm phát làm giá cả đầu vào tăng nhanh chóng, trong khi đặc thù ngành dược là không thể điều chỉnh giá bán ra theo thị trường. Dẫn đến các kế hoạch phải thay đổi cho phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên, HĐQT đánh giá cao nỗ lực của toàn thể nhân viên Công ty cũng như khẳng định các mặt tích cực trong hoạt động sản xuất kinh doanh thông qua kết quả đạt được trong năm tài chính.
- ❖ Bên cạnh vừa sản xuất, kinh doanh đảm bảo quyền lợi cho cổ đông, cũng như toàn thể nhân viên. Công ty luôn ủng hộ và thực hiện trách nhiệm với môi trường và xã hội theo quy định của Nhà nước.

Đánh giá hoạt động của ban giám đốc

- ❖ Tuy là thời kỳ khó khăn của Công ty, do ảnh hưởng tình hình chung của kinh tế thế giới. Nhưng Ban TGD đã nỗ lực duy trì hoạt động, định hướng và điều hành chính xác để công ty luôn hoạt động hiệu quả nhất trong điều kiện các nguồn lực có hạn.
- ❖ Từng bước hoàn thiện hệ thống kiểm soát, chuyển đổi số, cũng như tái cấu trúc bộ máy nhân sự. Phát huy tính chủ động và hiệu quả của từng phòng ban, tiến tới hoàn thành mục tiêu chung của công ty.

Các kế hoạch, định hướng của HĐQT





**V. QUẢN TRỊ
CÔNG TY**

Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát

Các giao dịch, thù lao và các
lợi ích của thành viên HĐQT

Hội đồng quản trị

Thành viên và cơ cấu của HĐQT

Đào Hữu Hoàng

- Chủ tịch HĐQT
- Điều hành
- Sở hữu cổ phiếu có quyền biểu quyết: 44.27% (tại 31/12/2023)

Nguyễn Thế Kỳ

- Thành viên HĐQT
- Điều hành
 - Phó giám đốc
- Sở hữu cổ phiếu có quyền biểu quyết: 0.21% (tại 31/12/2023)

Đỗ Thị Mai

- Thành viên HĐQT
- Không điều hành
- Sở hữu cổ phiếu có quyền biểu quyết: 7.14 % (tại 31/12/2023)

Đào Hữu Khôi

- Thành viên HĐQT
- Không điều hành
- Sở hữu cổ phiếu có quyền biểu quyết: 2.93% (31/12/2023)

Nguyễn Hoàng Hà

- Thành viên HĐQT
 - Thành viên độc lập/ không điều hành
- Là thành viên HĐQT từ ngày 01/07/2022
- Sở hữu cổ phiếu có quyền biểu quyết: 0% (31/12/2023)

Hoạt động của HĐQT

- ❖ Trong năm HĐQT đã tổ chức các cuộc họp thông qua các nghị quyết quan trọng nhằm chỉ đạo và giám sát hoạt động của Ban giám đốc, phục vụ chiến lược phát triển của Công ty.
- ❖ Các nghị quyết, nội dung và kết quả:

Stt	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	0301/2023/NQ-HĐQT	03/01/2023	Nghị quyết về triển khai triển khai chiến lược bán hàng; kế hoạch mục tiêu năm 2023.	100%
2	0203/2023/NQ-HĐQT	02/03/2023	Triển khai thực hiện chiến lược sản xuất kinh doanh trong tình hình bán hàng vào kênh bảo hiểm khó khăn;	100%
3	0905/NQHĐQT-2023	09/05/2023	Thông qua kế hoạch tổ chức đại hội cổ đông thường niên 2023	100%
4	0111/NQHĐQT-2023	01/11/2023	Thông qua kế hoạch triển khai vận hành phần mềm quản trị doanh nghiệp (base.vn)	100%
5	0111/NQHĐQT-2023	01/12/2023	Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024; tầm nhìn chiến lược năm 2025-2026	100%

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị

- ❖ Công ty không thành lập các tiểu ban. Các thành viên HĐQT được phân công cụ thể theo từng lĩnh vực chuyên môn để tham vấn cho HĐQT trước khi đưa ra các nghị quyết, quyết định. Với trách nhiệm của mình, các thành viên đã tham gia đầy đủ và biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT.
- ❖ Công ty có thành viên HĐQT độc lập tham gia đầy đủ và biểu quyết nhằm đảm bảo quyền lợi chính đáng của cổ đông.

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty: *không*

Ban kiểm soát

Thành viên và cơ cấu của ban kiểm soát

Dương Nguyễn Trường Huy

- Thành viên
- Ngày bổ nhiệm: 30/06/2017
- Cử nhân kế toán
- Sở hữu cổ phiếu có quyền biểu quyết: 0% (tại 31/12/2022)

Ôn Ngọc Lan

- Thành viên
- Ngày bổ nhiệm: 10/12/2011
- Cử nhân kế toán
- Sở hữu cổ phiếu có quyền biểu quyết: 0% (tại 31/12/2022)

Bùi Công Sơn

- Trưởng ban
- Ngày bổ nhiệm: 30/06/2021
- Cử nhân kế toán
- Sở hữu cổ phiếu có quyền biểu quyết: 0% (tại 31/12/2022)

Các cuộc họp của ban kiểm soát

Stt	Thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp
1	Bà Ôn Ngọc Lan	2	100%	100%	
2	Dương Nguyễn Trường Huy	2	100%	100%	
3	Ông Bùi Công Sơn	2	100%	100%	

Hoạt động của ban kiểm soát

- ✓ **Kiểm soát mục tiêu, chiến lược:** theo sát kế hoạch, mục tiêu đã đề ra nhằm đảm bảo kết quả Doanh thu – lợi nhuận hoàn thành chỉ tiêu đã đề ra.
- ✓ **Kiểm soát thông tin:** Theo dõi nắm bắt tình hình, Công bố thông tin kịp thời, minh bạch tránh gây ảnh hưởng tới cổ đông nhỏ.

Hoạt động của ban kiểm soát (tiếp theo)

- ✓ **Kiểm soát tài chính:** Kiểm tra báo cáo tài chính hàng quý để đánh giá tính hợp lý của các số liệu kế toán, kết hợp với các Kiểm toán viên độc lập nhằm xem xét các yếu tố ảnh hưởng quan trọng trong báo cáo Tài chính. Kiểm soát việc tuân thủ các quy định về quản lý khoản đầu tư tài chính.
- ✓ **Đánh giá:** Nhìn chung, Ban lãnh đạo SPM đã kết hợp khá tốt trong công tác quản lý và thúc đẩy sản xuất kinh doanh. Các báo cáo tài chính quý, bán niên, thường niên đều phản ánh các con số trung thực và hợp lý phù hợp với các chuẩn mực Kế toán tại Việt nam và các quy định pháp lý liên quan.

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích

Họ và tên	Chức vụ	Năm 2023 (VNĐ)
Đào Hữu Hoàng	Chủ tịch HĐQT	600 255 000
Nguyễn Thế Kỹ	PGD chuyên môn	491 595 000
Nguyễn Thế Quyền	Tổng giám đốc	326 494 000
Bùi Công Sơn	Ban kiểm soát	261 276 000

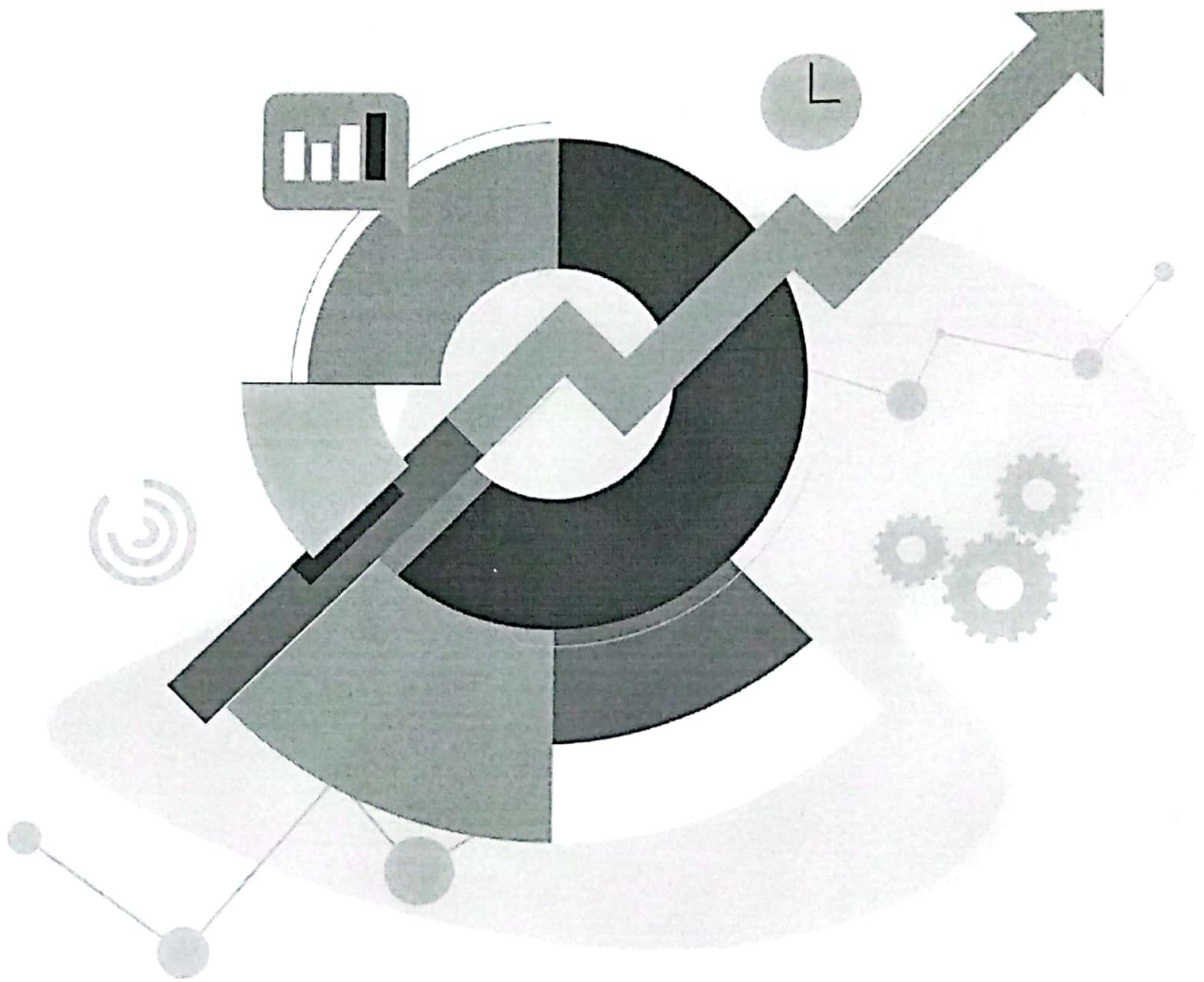
➤ Năm 2023, không có các khoản thù lao hoặc lợi ích khác. Chỉ có lương, thưởng cho các cá nhân trực tiếp điều hành Công ty

Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: không

Hợp đồng giao dịch với người nội bộ: không

Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty

- ✓ Tuy vẫn còn hạn chế trong cơ cấu nhân sự, đáp ứng các chỉ tiêu về tính độc lập cần phải khắc phục trong thời gian tới. Nhìn chung, bộ máy quản lý và quản trị của Công ty được xem là hợp lý, đáp ứng nhu cầu quản trị và vận hành hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty.



VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo của Ban giám đốc

Báo cáo kiểm toán độc lập

Cân đối kế toán

Kết quả kinh doanh

Lưu chuyển tiền tệ

Thuyết minh báo cáo tài chính

Báo của ban tổng giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần S.P.M (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần S.P.M hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302271207, đăng ký lần đầu ngày 26 tháng 3 năm 2001 và đăng ký thay đổi lần thứ 21 ngày 14 tháng 9 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là SPM.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Lô số 51 KCN Tân Tạo, Đường số 2, P. Tân Tạo A, Q. Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh.
- Điện thoại : (84-28) 37 507 496
- Fax : (84-28) 38 771 010

Công ty có Văn phòng đại diện tại C4 – C8 Bửu Long, Phường 15, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất dược phẩm;
- Mua bán thực phẩm. Bán buôn thực phẩm chức năng;
- Bán lẻ nguyên liệu sản xuất các mặt hàng máy móc trang thiết bị y tế, khẩu trang, găng tay, đồ bảo hộ lao động; máy móc trang thiết bị y tế, khẩu trang, găng tay, đồ bảo hộ lao động (không hoạt động tại trụ sở);
- Bán lẻ thuốc (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất thực phẩm chức năng.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Đào Hữu Hoàng	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2015
Bà Đỗ Thị Mai	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2015
Ông Đào Hữu Khôi	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2015
Ông Nguyễn Thế Kỳ	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2015
Bà Nguyễn Hoàng Hà	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 6 năm 2022

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Bùi Công Sơn	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2021
Bà Ôn Ngọc Lan	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 12 năm 2002
Ông Dương Nguyễn Trường Huy	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2017

Ban giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Thế Quyền	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 9 năm 2022
Ông Nguyễn Thế Kỷ	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 9 năm 2022

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Thế Quyền	Quyền Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 9 năm 2022

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm.

Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt ban tổng giám đốc



Tổng giám đốc
Nguyễn Thế Quyền

Ngày 28 tháng 03 năm 2024

Báo cáo kiểm toán độc lập

A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.

Head Office : 02 Trương Sơn St., Ward 2, Tân Bình Dist., Hồ Chí Minh City, Vietnam
Branch in Hà Nội : 40 Giang Võ St., Dong Da Dist., Hà Nội City, Vietnam
Branch in Nha Trang : Lot 5TH06A.01, St. No.13, Le Hong Phong Urban Area, Phước Hòa Ward, Nha Trang City Vietnam
Branch in Cần Thơ : 15 13 Võ Nguyên Giáp St., Cái Răng Dist., Cần Thơ City, Vietnam

Tel +84 (028) 3547 2972 kttv@a-c.com.vn
Tel +84 (024) 3736 7879 kttvhn@a-c.com.vn
Tel +84 (0258) 246 5151 kttvnt@a-c.com.vn
Tel +84 (0292) 376 4995 kttvct@a-c.com.vn

 **bakertilly**

A & C

www.a-c.com.vn

Số: 1.0790/24/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần S.P.M (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 28 tháng 3 năm 2024, từ trang 05 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần S.P.M tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Lê Thị Thu Hiền

Thành viên Ban Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0095-2023-008-1

Người được ủy quyền

Phan Vũ Công Bá - Kiểm toán viên

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0197-2023-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2024

35

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		871,634,988,487	913,681,104,344
I Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	177,774,751	20,126,949,856
1. Tiền	111		177,774,751	20,126,949,856
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		2,000,000,000	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.12a	2,000,000,000	-
III Các khoản phải thu ngắn hạn	130		823,320,765,507	836,714,821,538
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	793,950,130,602	786,020,263,942
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	16,056,733,833	32,749,155,228
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4	-	37,000,000,000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	38,972,734,816	74,974,236,112
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(25,658,833,744)	(94,028,833,744)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		45,367,632,323	55,026,234,217
1. Hàng tồn kho	141	V.7	47,029,604,495	56,898,518,412
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.7	(1,661,972,172)	(1,872,284,195)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		768,815,906	1,813,098,733
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	248,992,296	1,778,607,674
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		519,823,610	34,491,059
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.16	-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	
			Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		154,739,188,027	151,794,519,966
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		82,670,186,569	78,681,346,458
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	78.133.116.965	73.954.077.478
- Nguyên giá	222		277.559.441.580	261.608.763.762
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(199.426.324.615)	(187.654.686.284)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	4.537.069.604	4.727.268.980
- Nguyên giá	228		8.603.940.878	8.603.940.878
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.066.871.274)	(3.876.671.898)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		67,852,376,257	67,591,428,007
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	67.852.376.257	67.591.428.007
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		2,754,000,000	2,754,000,000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.12b	2.754.000.000	2.754.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1,462,625,201	2,767,745,501
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	1.440.328.858	2.705.698.401
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.13	22.296.343	62.047.100
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1,026,374,176,514	1,065,475,624,310

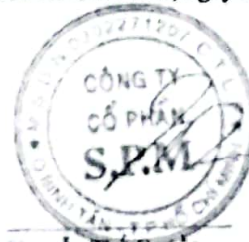
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		220,352,735,197	271,570,927,006
I. Nợ ngắn hạn	310		202,352,735,197	271,570,927,006
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	19.865,185.772	22.891.298.837
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	8.707,441.366	5,179,298,237
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	359,377,140	7,249,653,869
4. Phải trả người lao động	314	V.17	3.154,598,255	3,090,815,289
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.18	743.120.432	484,544,428
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19a	8,276,195,285	22.651,287,308
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20a	161.246.816.947	210.024.029.038
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		18,000,000,000	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.19b	18.000.000.000	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		806,021,441,317	793,904,697,304
I. Vốn chủ sở hữu	410		806,021,441,317	793,904,697,304
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.21	140,000,000,000	140,000,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		140,000,000,000	140,000,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.21	210,885,368,500	210,885,368,500
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415	V.21	(10,036,370,000)	(10,036,370,000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.21	465,172,442,817	453,055,698,804
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		453,055,698,804	453,055,698,804
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		12,116,744,013	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422	V.21	-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1,026,374,176,514	1,065,475,624,310

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2024



Võ Thành Nhân
 Người lập/Kế toán trưởng



Nguyễn Thế Quyền
 Quyền Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VL1	461,031,858,201	771,276,505,025
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VL2	54,927,005,848	74,036,922,525
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		406,104,852,353	697,239,582,500
4. Giá vốn hàng bán	11	VL3	336,404,310,183	617,192,693,041
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		69,700,542,170	80,046,889,459
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VL4	349,172,369	831,303,295
7. Chi phí tài chính	22	VL5	12,089,387,337	11,855,530,528
Trong đó: chi phí lãi vay	23		11,761,285,226	11,570,537,775
8. Chi phí bán hàng	25	VL6	22,885,871,943	22,936,236,302
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VL7	16,306,322,107	15,285,818,592
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		18,768,133,152	30,800,607,332
11. Thu nhập khác	31	VL8	399,399,055	276,700,141
12. Chi phí khác	32	VL9	2,664,827,883	540,993,621
13. Lợi nhuận khác	40		(2,265,428,828)	(264,293,480)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		16,502,704,324	30,536,313,852
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.16	4,346,209,554	6,697,016,064
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.13	39,750,757	(56,182,028)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		12,116,744,013	23,895,479,816
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VL10a	880	1,735
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VL10a	880	1,735

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2024

Võ Thành Nhân
Người lập/Kế toán trưởng



Nguyễn Thế Quyền
Quyền Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

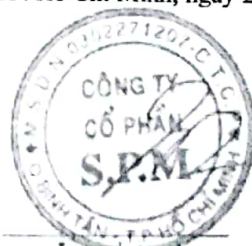
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		16,502,704,324	30,536,313,852
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9, V.10	11,961,837,707	9,856,003,379
- Các khoản dự phòng	03	V.7	(210,312,023)	(30,988,299)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.5	167,478,607	174,515,710
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.4, VI.8	(222,706,500)	(593,625,784)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	11,761,285,226	11,570,537,775
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		39,960,287,341	51,512,756,633
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		10,281,105,432	18,983,935,423
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		9,868,913,917	(5,896,641,712)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		3,072,669,962	(10,543,816,446)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		2,794,984,921	(796,678,387)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	V.18, VI.5	(11,413,835,884)	(11,509,589,785)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.16	(10,763,027,558)	(5,971,015,532)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		43,801,098,131	35,778,950,194
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.9; V.11, VII	(15,717,982,003)	(18,077,435,544)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	275,077,178
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.12a	(2,000,000,000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	6,750,000,000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5, VI.4	2,744,959,364	10,066,943,472
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(14,973,022,639)	(985,414,894)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.20	390,201,346,381	653,735,799,349
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.20	(438,978,558,472)	(655,115,624,663)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(13,747,500,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(48,777,212,091)	(15,127,325,314)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(19,949,136,599)	19,666,209,986
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	20,126,949,856	454,559,233
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại	61		(38,506)	6,180,637
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	177,774,751	20,126,949,856

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2024



Võ Thành Nhân
 Người lập/Kế toán trưởng



Nguyễn Thế Quyền
 Quyền Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(xem chi tiết báo cáo tài chính năm 2023 đã kiểm toán đăng tại <https://spm.com.vn/bao-cao-tai-chinh-nam-2023-kiem-toan>)

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY



Nguyễn Thế Quyền